

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 07/2024/QĐST-VDS

Về việc “Yêu cầu xác định quyền
sở hữu, quyền sử dụng tài sản để
thi hành án”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Phước, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần người tiến hành phiên họp sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Thạch Hải Âu

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Phượng Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 84/2024/TLST-VDS ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 128/2024/QĐST-VDS ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên họp giải quyết việc dân sự số 79/2024/QĐST-VDS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh Phan Hoàng K, sinh năm 1989.

2.2. Ông Phan Hoàng L, sinh năm 1965;

2.3. Bà Dương Thị X, sinh năm 1964;

2.4. Anh Phan Hoàng P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Văn P1** – chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Đoàn Văn P1**: Bà **Trương Thị Kim Q** – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng. (Văn bản ủy quyền số 233/GUQ-CCTHADS ngày 13/9/2024)

+ Anh **T**, bà **Q** có mặt tại phiên họp.

+ Anh **K**, ông **L**, bà **X**, anh **P** vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần.

NỘI DUNG VIỆC YÊU CẦU:

* Theo đơn yêu cầu, quá trình giải quyết việc dân và tại phiên họp, người yêu cầu anh **Nguyễn Minh T** trình bày:

Theo bản án số 72/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã xét xử buộc anh **Phan Hoàng K** phải trả cho anh **Nguyễn Minh T** số tiền là 600.000.000 đồng. Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh **T** đã có đơn yêu cầu thi hành án đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước thụ lý theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 50/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2023 và Quyết định số 25/ QĐ-CCTHADS ngày 19/10/2023.

Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước đã tiến hành xác minh và xác định tài sản của hộ ông **Phan Hoàng L** gồm có:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1240. Diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSDD/14/QĐUB do **UBND huyện T** cấp cho hộ ông **Phan Hoàng L** ngày 09/5/1998.

Nay, anh **T** yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh **Phan Hoàng K** trong khối tài sản chung để thi hành án là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1240, diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSDD/14/QĐUB do **UBND huyện T** cấp cho hộ ông **Phan Hoàng L** ngày 09/5/1998 và tài sản trên đất.

Tại phiên họp hôm nay, anh **T** rút lại một phần yêu cầu đối với yêu cầu xác định quyền sở hữu của anh **K** đối với căn nhà và tài sản trên đất, chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh **Phan Hoàng K** trong khối tài sản chung để thi hành án là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1240, diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSDD/14/QĐUB do **UBND huyện T** cấp cho hộ ông **Phan Hoàng L** ngày 09/5/1998.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Phan Hoàng P** trình bày:

Vào thời điểm ngày 09/5/1998, hộ bà **Dương Thị X** gồm có: ông **L**, bà **X**, anh **P**, anh **K** và **Phan Hồng Y** đã chết năm 2013 không có chồng con gì. Hiện tại trên phần đất có căn nhà cấp 4, phía sau nhà trồng mít và chuối, ngoài ra còn có một số cây kiêng.

* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Phan Hoàng P** trình bày:

Ông **Phan Hoàng L** và **Dương Thị X** là hàng thừa kế thứ nhất của **Phan Thị Hồng Y1**, chết năm 2013 không có chồng con. Nay thống nhất, nhập toàn bộ phần tài sản được hưởng di sản thừa kế của **Phan Thị Hồng Y1** vào thành tài sản chung của hộ ông **Phan Hoàng L** gồm: **Phan Hoàng L**, **Dương Thị X**, **Phan Hoàng P** và **Phan Hoàng K**. Đồng ý cắt 04 m đất ngang dài hết đất cho anh **Nguyễn Minh T**.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Phan Hoàng K** đã được Tòa án thông báo về yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh **Phan Hoàng K** trong khối tài sản chung để thi hành án, của người yêu cầu anh **Nguyễn Minh T** và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối nội dung vụ, việc.

* Tại phiên họp, người đại diện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước là bà **Trương Thị Kim Q** trình bày:

Quá trình thi hành án đã xác định được hộ ông **Phan Hoàng L** có đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1240, diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSDD/14/QĐUB do UBND huyện T cấp cho hộ ông **Phan Hoàng L** ngày 09/5/1998. Chi cục Thi hành án hình sự đã có Thông báo số 214/TB-CCTHADS ngày 03/4/2024 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Đề nghị Tòa án xác định anh **Phan Hoàng K** có quyền sử dụng bao nhiêu trong thửa đất nêu trên, trên cơ sở quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước sẽ tiến hành các thủ tục tiếp theo để đảm bảo cho việc thi hành án bản án số 72/2023/DS-ST ngày 26/7/2023.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu: Về tố tụng, Tòa án thụ lý việc dân sự đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu của anh **Nguyễn Minh T**. Do chị **Phan Hồng Y1** đã chết, không có chồng, con, hàng thừa kế thứ nhất của chị **Y1** gồm có ông **Phan Hoàng L** và bà **Dương Thị X**. Tuy nhiên ông **L**, bà **X** cũng thống nhất, phần quyền sử dụng đất của chị **Y1** để lại sẽ nhập vào tài sản chung của hộ cho 04 người:

Phan Hoàng L, Dương Thị X, Phan Hoàng P và Phan Hoàng K. Do đó anh Phan Hoàng K có quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ trong tổng diện tích 4.920,8m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến các đương sự trình bày tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án xác định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, theo đơn yêu cầu của anh Nguyễn Minh T và tại phiên họp, bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của anh Phan Hoàng K trong khối tài sản chung để thi hành án. Thửa đất anh T yêu cầu tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu giải quyết việc dân sự được xác định là “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án” quy định tại Khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Hoàng L, bà Dương Thị X, anh Phan Hoàng P và anh Phan Hoàng K đã được triệu tập họp lệ hai lần để tham dự phiên họp nhưng vẫn vắng không có lý do. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định mở phiên họp giải quyết vắng mặt đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của anh Nguyễn Minh T là có cơ sở, bởi lẽ:

Căn cứ theo Bản án số 72/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã xét xử buộc anh Phan Hoàng K phải trả cho anh T số tiền là 600.000.000 đồng. Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật. Sanh Thái đã có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 04/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước đã ra Quyết định số 50/QĐ-CCTHADS thi hành án theo đơn yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

Quá trình thi hành án đã xác định được hộ ông Phan Hoàng L có đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1240. Diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSĐĐ/14/QĐUB do UBND huyện T cấp cho hộ ông Phan Hoàng L ngày 09/5/1998.

Ngày 03/4/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước đã ra Thông báo số 214/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án để anh Nguyễn Minh T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng của anh Phan Hoàng K trong khối tài sản chung.

Thửa đất số 1240, diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSĐĐ/14/QĐUB do UBND

huyện T cấp cho hộ ông Phan Hoàng L ngày 09/5/1998. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L. Tại Công văn số 127/CAH-QLHC ngày 29/01/2024, Công an huyện T cung cấp tại thời điểm ngày 09/5/1998 thành viên hộ ông L gồm có: Phan Hoàng L, Dương Thị X, Phan Hoàng P, Phan Hoàng K và Phan Hồng Y1. Chị Y1 đã chết năm 2013, khi chết không có chồng, con. Như vậy, mỗi thành viên trong hộ sẽ được sử dụng 1/5 trong tổng diện tích 4.920,8m². Ngoài ra ông L, bà X còn được hưởng thừa kế đối với 1/5 quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do chị Y1 chết để lại.

Tuy nhiên, ông L và bà X có ý kiến thống nhất ông, bà không nhận thừa kế mà đồng ý nhập di sản thừa kế của chị Y1 vào tài sản chung của hộ gồm ông L, bà X, anh P và anh K. Do đó, có cơ sở xác định anh Phan Hoàng K có quyền sử dụng 1/4 trong thửa đất số 1240, diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSDD/14/QĐUB do UBND huyện T cấp cho hộ ông Phan Hoàng L ngày 09/5/1998 là phù hợp với các Điều 207, 208, 209 và Điều 212 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào số tiền lệ phí anh T đã nộp tạm ứng.

[4]. Về các chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Minh T tự nguyện chịu chi phí tố tụng, không yêu cầu anh Khải hoàn lại nên không đặt ra xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 207, 208, 209 và Điều 212 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ vào Khoản 9 Điều 27, các Điều 361, 370, 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

Xác định anh Phan Hoàng K, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang có 1/4 quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án đối với: quyền sử dụng đất thửa đất số 1240, diện tích 4.920,8m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh

Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105QSDĐ/14/QĐUB do UBND huyện T cấp cho hộ ông Phan Hoàng L ngày 09/5/1998 cùng với ông Phan Hoàng L, bà Dương Thị X và anh Phan Hoàng P.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản trên thửa đất số 1240.

3. Về lệ phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm anh T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003305 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như anh T đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu lệ phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố quyết định; Anh K, ông L, bà X và anh P có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tổng đạt quyết định hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Thạch Hải Âu